

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ - GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Phần A: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ - GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	276	1	9	47	201	28	0	0			
1	Cán bộ - giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành II											
	[7210402] Thiết kế công nghiệp	32			3	22	7					
b	Khối ngành III											
	[7340101] Quản trị kinh doanh	68		2	15	52	1					
c	Khối ngành V											
	[7480201] Công nghệ thông tin	41			3	31	7					
	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	15			4	8	3					
	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	15		1	4	10	1					
	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	15			1	14						
	[7540101] Công nghệ thực phẩm	34	1	3	7	22	5					
	[7580201] Kỹ thuật xây dựng	36		3	9	26	1					
2	Cán bộ - giảng viên cơ hữu dạy môn chung	20			1	16	3					

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN

PGS. TS. CAO HÀO THI

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ - GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
	KHỐI NGÀNH II					
1	Nguyễn Hà Bắc	1957	Nam	Nghệ sĩ nhân dân	Đại học	[7210402] Thiết kế công nghiệp
2	Lương Thị Thanh Bình	1988	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
3	Lê Nguyễn Quỳnh Chi	1984	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
4	Phạm Hữu Công	1955	Nam		Tiến sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
5	Phùng Bá Đông	1981	Nam		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
6	Trịnh Duy Đông	1986	Nam		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
7	Nguyễn Thị Phương Dung	1980	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
8	Nguyễn Phan Thượng Duy	1983	Nam		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
9	Nguyễn Đức Giang	1969	Nam		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
10	Nguyễn Ngọc My Hà	1988	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
11	Tô Thị Hải	1982	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
12	Trần Thị Thúy Hằng	1984	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
13	Văn Thị Thu Hiền	1988	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
14	Võ Thanh Hoàng	1950	Nam		Đại học	[7210402] Thiết kế công nghiệp
15	Trần Xuân Hưng	1980	Nam		Đại học	[7210402] Thiết kế công nghiệp
16	Châu Thị Mỹ Khánh	1983	Nữ		Đại học	[7210402] Thiết kế công nghiệp
17	Huỳnh Minh Khánh	1970	Nam		Đại học	[7210402] Thiết kế công nghiệp
18	Trần Thị Hà Linh	1983	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
19	Phan Thành Long	1984	Nam		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
20	Nguyễn Ly	1984	Nam		Đại học	[7210402] Thiết kế công nghiệp
21	Mai Chi Mai	1984	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
22	Trần Thanh Mau	1967	Nam		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
23	Nguyễn Thị Huỳnh Nguyên	1982	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
24	Nguyễn Hằng Nguyệt	1977	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
25	Nguyễn Thị Ngọc Thái	1988	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
26	Phạm Nguyễn Hoàng Thiên Toàn	1981	Nam		Đại học	[7210402] Thiết kế công nghiệp
27	Phạm Thị Kiều Trang	1991	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
28	Đinh Thị Thanh Trúc	1978	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
29	Đỗ Lệnh Hùng Tú	1957	Nam		Tiến sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
30	Huỳnh Hoa Hồng Tú	1980	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
31	Nguyễn Thị Kim Vân	1974	Nữ		Thạc sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
32	Nguyễn Thị Hoa Xinh	1961	Nữ		Tiến sĩ	[7210402] Thiết kế công nghiệp
	KHỐI NGÀNH III					
33	Mai Nhật Minh Anh	1987	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
34	Vũ Trần Anh	1984	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
35	Vũ Trọng Anh	1962	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
36	Trương Thị Lan Anh	1974	Nữ		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
37	Bùi Văn Danh	1958	Nam		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
38	Huỳnh Công Dương	1973	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
39	Phạm Văn Đan Duy	1978	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
40	Tôn Thất Hoàng Hải	1968	Nam		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
41	Lương Thị Hân	1988	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
42	Lê Thị Phương Hằng	1982	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
43	Huỳnh Công Hiếu	1980	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
44	Nguyễn Thị Như Hoa	1987	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
45	Nguyễn Lê Thái Hòa	1976	Nam		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
46	Nguyễn Thiện Hùng	1976	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
47	Võ Văn Hưng	1982	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
48	Nguyễn Thị Thiên Hương	1984	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
49	Đỗ Huệ Hương	1978	Nữ		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
50	Trần Phước Huy	1966	Nam		Đại học	[7340101] Quản trị kinh doanh
51	Hoàng Ngọc Khải	1957	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
52	Trần Nguyễn Cẩm Lai	1971	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
53	Đoàn Duy Thái Lâm	1988	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
54	Vô Sáng Xuân Lan	1962	Nữ		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
55	Ung Thị Minh Lệ	1961	Nữ		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
56	Vũ Tiến Long	1978	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
57	Nguyễn Thị Hồng Minh	1972	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
58	Mai Xuân Nhật Minh	1983	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
59	Hà Thị Phương Minh	1967	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
60	Lê Đăng Minh	1967	Nam		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
61	Trần Thị Mười	1963	Nữ		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
62	Dương Quang Mỹ	1959	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
63	Trần Kim Ngọc	1969	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
64	Phan Hà Thanh Nhã	1979	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
65	Phạm Hoàng Nhân	1982	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
66	Phùng Viết Nhiên	1976	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
67	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1987	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
68	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1987	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
69	Nguyễn Thị Kiều Oanh	1986	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
70	Lê Văn Phi	1948	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
71	Phạm Thiên Phú	1981	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
72	Lê Thị Ngọc Phụng	1973	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
73	Nguyễn Vũ Quân	1984	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
74	Phạm Ngọc Quý	1975	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
75	Lê Thanh Sang	1982	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
76	Lê Thanh Sang	1982	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
77	Trần Hồi Sinh	1946	Nam		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
78	Lê Minh Tài	1989	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
79	Nguyễn My Huy Thạch	1980	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
80	Lê Hữu Yên Thanh	1986	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
81	Trần Thị Ngọc Thanh	1983	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
82	Tôn Nữ Hoàng Thảo	1984	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
83	Cao Hào Thi	1956	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
84	Trần Thị Hồng Thi	1981	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
85	Nguyễn Văn Thọ	1961	Nam		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
86	Ngô Thị Thu Thủy	1971	Nữ		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
87	Nguyễn Thị Hồng Thủy	1982	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
88	Hoàng Trung Tiến	1973	Nam		Tiến sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
89	Lê Trọng Tín	1972	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
90	Mai Thị Thu Trang	1988	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
91	Đỗ Thị Thanh Trúc	1987	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
92	Nguyễn Thành Trung	1961	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
93	Lưu Thiên Tú	1981	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
94	Nguyễn Anh Tuấn	1975	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
95	Tạ Kiến Tường	1975	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
96	Nguyễn Ngọc Vân Uyên	1975	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
97	Đỗ Thị Cẩm Vân	1982	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
98	Vũ Quang Vĩnh	1990	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
99	Dương Thiện Vũ	1982	Nam		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
100	Mai Thị Hoàng Yến	1976	Nữ		Thạc sĩ	[7340101] Quản trị kinh doanh
	KHỐI NGÀNH V					
101	Ngô Xuân Bách	1975	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
102	Bùi Nhật Bằng	1983	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
103	Phan Công Chính	1972	Nam		Tiến sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
104	Đoàn Trình Dục	1989	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
105	Lê Triệu Ngọc Đức	1981	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
106	Lê Thị Mỹ Dung	1984	Nữ		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
107	Trịnh Thanh Duy	1983	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
108	Hồ Hải	1981	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
109	Lê Thanh Hoàng	1984	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
110	Trần Phụng Hoàng	1984	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
111	Trần Văn Hùng	1970	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
112	Vũ Quốc Hưng	1987	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
113	Nguyễn Quốc Huy	1984	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
114	Trần Thị Mỹ Huỳnh	1989	Nữ		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
115	Hồ Đình Khả	1968	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
116	Nguyễn Ngọc Lâm	1989	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
117	Phạm Liệu	1979	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
118	Phan Thị Mai Linh	1979	Nữ		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
119	Nguyễn Trọng Nghĩa	1982	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
120	Lưu Minh Ngọc	1989	Nữ		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
121	Hoàng Thị Thu Nguyệt	1978	Nữ		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
122	Nguyễn Kiều Oanh	1974	Nữ		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
123	Hoàng Xuân Phương	1972	Nam		Đại học	[7480201] Công nghệ thông tin
124	Hồ Hoàng Thục Quý	1986	Nữ		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
125	Đặng Trường Sơn	1966	Nam		Tiến sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
126	Nguyễn Trần Phúc Thịnh	1984	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
127	Nguyễn Lạc An Thư	1980	Nữ		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
128	Nguyễn Ngọc Anh Thư	1996	Nữ		Đại học	[7480201] Công nghệ thông tin
129	Dương Thái Thương	1988	Nam		Đại học	[7480201] Công nghệ thông tin
130	Tăng Văn Tơ	1954	Nam		Tiến sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
131	Võ Quang Trọng	1987	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
132	Hà Vũ Tuấn	1980	Nam		Đại học	[7480201] Công nghệ thông tin

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
133	Phạm Anh Tuấn	1995	Nam		Đại học	[7480201] Công nghệ thông tin
134	Bùi Công Tuấn	1988	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
135	Nguyễn Thanh Tùng	1967	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
136	Trần Vũ Hoàng Ứng	1981	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
137	Lương An Vinh	1989	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
138	Phan Thành Vinh	1979	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
139	Hà Anh Vũ	1981	Nam		Thạc sĩ	[7480201] Công nghệ thông tin
140	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1978	Nữ		Đại học	[7480201] Công nghệ thông tin
141	Trần Thị Như ý	1979	Nữ		Đại học	[7480201] Công nghệ thông tin
142	Nguyễn Quốc Cường	1952	Nam		Tiến sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
143	Huỳnh Long Triết Giang	1992	Nam		Thạc sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
144	Nguyễn Văn Giáp	1954	Nam		Tiến sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
145	Vũ Đình Hải	1977	Nam		Đại học	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
146	Hồ Hữu Hân	1978	Nam		Đại học	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
147	Huỳnh Ngọc Hiệp	1956	Nam		Thạc sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
148	Nguyễn Thanh Hùng	1987	Nam		Đại học	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
149	Trần Trung Lê	1981	Nam		Thạc sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
150	Trương Quang Mùi	1944	Nam		Tiến sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
151	Lê Minh Ngọc	1941	Nam		Tiến sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
152	Nguyễn Đàm Tấn	1955	Nam		Thạc sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
153	Phạm Văn Thắng	1978	Nam		Thạc sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
154	Huỳnh Lê Minh Thiện	1979	Nam		Thạc sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
155	Lê Tấn Tín	1989	Nam		Thạc sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
156	Lê Nguyên Trinh	1978	Nam		Thạc sĩ	[7510203] Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
157	Vũ Hùng Cường	1955	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
158	Đỗ Quang Đạo	1980	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
159	Nguyễn Hùng	1974	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
160	Nguyễn Bá Lập	1960	Nam		Đại học	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
161	Trần Văn Lợi	1976	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
162	Võ Văn Nguyên	1985	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
163	Tổng Văn On	1953	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
164	Nguyễn Quân	1936	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
165	Đinh Đỗ Quang	1980	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
166	Nguyễn Đình Sơn	1983	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
167	Nguyễn Đức Thành	1953	Nam		Tiến sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
168	Nguyễn Thiện Thành	1957	Nam		Tiến sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
169	Trần Thị Thu Thảo	1979	Nữ		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
170	Phạm Cao Văn	1985	Nam		Tiến sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
171	Trần Lê Quốc Việt	1981	Nam		Thạc sĩ	[7510301] Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
172	Nguyễn Quốc Bình	1976	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
173	Nguyễn Thị Đề	1976	Nữ		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
174	Nguyễn Thị Quỳnh Dư	1979	Nữ		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
175	Hoàng Xuân Dương	1974	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
176	Nguyễn Văn Hiền	1964	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
177	Lê Xuân Kỳ	1972	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
178	Lê Phước Lâm	1967	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
179	Đào Duy Liêm	1979	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
180	Phan Thanh	1963	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
181	Võ Xuân Thịnh	1977	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
182	Nguyễn Vũ Thùy	1976	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
183	Nguyễn Thị Minh Thy	1983	Nữ		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
184	Trần Thị Huyền Trang	1981	Nữ		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
185	Huỳnh Thanh Tú	1981	Nam		Thạc sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
186	Lê Hiệp Tuyền	1950	Nam		Tiến sĩ	[7510302] Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
187	Tạ Lê Quốc An	1985	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
188	Hoàng Kim Anh	1972	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
189	Nguyễn Quỳnh Dao	1985	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
190	Ngô Trịnh Tắc Đạt	1992	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
191	Hồ Minh Đạt	1988	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
192	Lưu Duẩn	1938	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	[7540101] Công nghệ thực phẩm
193	Trần Văn Dũng	1969	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
194	Nguyễn Văn Hải	1984	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
195	Nguyễn Minh Hải	1977	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
196	Trần Quang Hiếu	1978	Nam		Tiến sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
197	Trần Ngọc Hiếu	1979	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
198	Hoàng Thị Khánh Hồng	1982	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
199	Lưu Mai Hương	1970	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
200	Đặng Minh Khánh	1989	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
201	Trần Bích Lam	1954	Nữ		Tiến sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
202	Trương Thị Mỹ Linh	1972	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
203	Dương Duy Minh	1963	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
204	Trần Đình Nam	1981	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
205	Nguyễn Tấn Anh Nguyên	1992	Nam		Đại học	[7540101] Công nghệ thực phẩm
206	Phạm Kim Phương	1952	Nữ		Tiến sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
207	Nguyễn Vũ Hoàng Phương	1989	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
208	Trương Nguyễn Như Quỳnh	1984	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
209	Đoàn Nguyễn Thúy Quỳnh	1988	Nữ		Đại học	[7540101] Công nghệ thực phẩm
210	Nguyễn Thanh Sang	1988	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
211	Lê Viết Thắng	1980	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
212	Nguyễn Duy Thịnh	1944	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
213	Đồng Thị Thanh Thu	1945	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
214	Ung Phạm Tường Thụy	1987	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
215	Nguyễn Phương Tuyền	1982	Nữ		Đại học	[7540101] Công nghệ thực phẩm
216	Nguyễn Nhã Uyên	1971	Nữ		Đại học	[7540101] Công nghệ thực phẩm

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
217	Lê Huỳnh Hồng Vân	1987	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
218	Trần Trọng Vũ	1981	Nam		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
219	Lê Thị Kim Yến	1993	Nữ		Đại học	[7540101] Công nghệ thực phẩm
220	Phạm Thị Hoàng Yến	1988	Nữ		Thạc sĩ	[7540101] Công nghệ thực phẩm
221	Trương Đình Thảo Anh	1979	Nữ		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
222	Nguyễn Tuấn Anh	1977	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
223	Nguyễn Duy Cường	1981	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
224	Huỳnh Xuân Đình	1933	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
225	Ngô Hồng Đức	1979	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
226	Ngô Thanh Đức	1969	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
227	Phạm Trường Giang	1976	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
228	Đỗ Đào Hải	1940	Nam		Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
229	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1973	Nữ		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
230	Châu Minh Hiếu	1978	Nam		Đại học	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
231	Thân Trọng Trần Hoan	1983	Nam		Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
232	Nguyễn Công Huân	1985	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
233	Khuong Văn Huân	1957	Nam		Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
234	Phan Thiệu Huy	1981	Nam		Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
235	Hà Công Huy	1978	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
236	Nguyễn Quang Huy	1979	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
237	Trần Văn Khải	1944	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
238	Huỳnh Văn Khanh	1978	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
239	Mai Đức Khôi	1984	Nam		Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
240	Trần Công Lai	1978	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
241	Phạm Quốc Lâm	1978	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
242	Phan Lữ Trí Minh	1982	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
243	Nguyễn Trần Bích Ngọc	1985	Nữ		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
244	Ôn Ngọc Yến Nhi	1990	Nữ		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

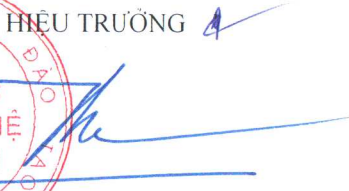
STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
245	Hoàng Văn Phúc	1956	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
246	Trần Tấn Quốc	1953	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
247	Bùi Thanh Tâm	1956	Nam		Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
248	Võ Đình Tấn	1979	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
249	Dương Hồng Thắm	1961	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
250	Phạm Thị Minh Thoa	1984	Nữ		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
251	Đoàn Thị Anh Thủy	1975	Nữ		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
252	Tạ Thùy Trang	1985	Nữ		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
253	Ngô Minh Triết	1982	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
254	Trần Anh Trung	1978	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
255	Lê Đức Tuấn	1978	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
256	Huỳnh Thanh Vũ	1984	Nam		Thạc sĩ	[7580201] Kỹ thuật xây dựng
	GIẢNG DẠY MÔN CHUNG					
257	Trịnh Ngọc An	1962	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
258	Nguyễn Ngọc Anh	1982	Nam		Đại học	Giảng dạy môn chung
259	Nguyễn Thị Như Diệp	1976	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
260	Nguyễn Văn Hải	1961	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
261	Trương Thị Thúy Hạnh	1987	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
262	Vũ Thị Bích Hương	1963	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
263	Nguyễn Thị Thúy Mai	1987	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
264	Võ Văn Mười	1970	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
265	Võ Phở	1951	Nam		Đại học	Giảng dạy môn chung
266	Lương Tuấn Phương	1978	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
267	Nguyễn Thị Trúc Phương	1989	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
268	Huỳnh Anh Tấn	1980	Nam		Đại học	Giảng dạy môn chung
269	Lê Thị Thanh	1955	Nữ		Tiến sĩ	Giảng dạy môn chung
270	Phạm Ngọc Thảo	1989	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
271	Trần Thị Thom	1990	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung

Phần B: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ DANH SÁCH CHI TIẾT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THEO KHỐI NGÀNH

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
272	Phan Thị Bích Trâm	1981	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
273	Phan Thị Mỹ Trang	1985	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
274	Trương Văn Tú	1990	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
275	Hà Minh Tuấn	1986	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung
276	Lê Hoàng Anh Tuấn	1988	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy môn chung

Phần C: CÔNG KHAI TỶ LỆ SINH VIÊN TRÊN GIẢNG VIÊN QUY ĐỔI

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	07,98 sinh viên/giảng viên quy đổi
3	Khối ngành III	23,67 sinh viên/giảng viên quy đổi
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	18,80 sinh viên/giảng viên quy đổi
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	
	Chung toàn trường	19,05 sinh viên/giảng viên quy đổi


 HIỆU TRƯỞNG 
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 CÔNG NGHỆ
 SÀI GÒN
 PGS. TS. CAO HÀO THI